TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 8 - 2017
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Diện
2. Ông Phan Thanh Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/7/2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Thanh N, năm 1992

Trú tại: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994

Trú tại: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn ngày 06/7/2017, bản tự khai, nguyên đơn anh Trương Thanh N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 08/9/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc cho đến tháng 6/2015 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, sau khi sinh con thì chị T về thăm bố mẹ đẻ và không quay lại nhà chồng, mặc dù anh đã ra nhà bố mẹ vợ để đưa mẹ con về nhưng chị T không về. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh có nguyện vọng xin được ly hôn với chị T để sớm ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Trương An B, sinh ngày 07/4/2015. Nếu ly hôn anh N có nguyện vọng xin được nuôi con.

Trong thời gian chung sống, anh và chị T không có tài sản chung, không nợ gì của ai cũng như không ai nợ vợ chồng

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cho chị T nhưng chị T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Ngày 14 tháng 7 năm 2017, chị T viết đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và trình bày: Chị và anh N có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện như anh N trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong thời gian chị về thăm bố mẹ đẻ, anh N thường xuyên tìm cớ gây sự với chị nên vợ chồng đã xảy ra nhiều cãi vã. Vì vậy vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay anh N làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được nữa. Về con chung, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trương An B, sinh ngày 07/4/2015. Nếu ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, chị T cũng nhất trí quá trình vợ chồng chung sống không có tài sản gì, không nợ gì của ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trương Thanh N có đơn yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị T, đề nghị Toà án nhân dân thị xã B giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị T. Tuy nhiên nay do điều kiện đi làm ăn xa, không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên chị T có đơn đề nghị xử vắng măt chị. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng chị Nguyễn Thị T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 08/9/2014, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được gần 01 năm, chị T sinh con và xin phép gia đình chồng về thăm bố mẹ đẻ tại Nghệ An. Trong thời gian này, tuy vợ chồng không gặp nhau nhưng mỗi lần liên lạc qua điện thoại thì lại xảy ra sự cãi vã, bất đồng quan điểm nên chị T đã ở hẳn bên nhà ngoại mà không về lại nhà chồng và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2015 cho đến nay. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có nguyện vọng xin được ly hôn. Xét thấy, tình cảm giữa anh N và chị T thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của anh N

xin được ly hôn chị T là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, xử cho anh Trương Thanh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị T là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, anh N và chị T có 01 con chung, tên là Trương An B, sinh ngày 07/4/2015. Nếu ly hôn anh N và chị T đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét thấy việc chăm sóc, nuôi dưỡng con là trách nhiệm chung của vợ chồng. Tuy nhiên, hiện nay con đang nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) và cần được sự chăm sóc của mẹ, nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Trương An B cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp, buộc anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu đồng), kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi con trưởng thành, có khả năng tự nuôi sống bản thân. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ tài sản: Anh Trương Thanh N và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Trương Thanh N phải nộp tiền án phí ly hôn và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Thanh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

3. Về quan hệ con chung: Xử cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương An B, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2015. Buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*, kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi con đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc anh Trương Thanh N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.00 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002007, ngày 07/7/2017. Anh N còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)*.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án của Toà án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.